

Sơn La, ngày tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao cơ cấu ngạch, mã số, hạng chức danh nghề nghiệp
các trường Cao đẳng năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 3174/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức biên chế và Tổ chức phi chính phủ, Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cơ cấu ngạch, mã số, hạng chức danh nghề nghiệp các trường Cao đẳng năm 2022 (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Hiệu trưởng các trường: Cao đẳng Sơn La, Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ căn cứ số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp các đơn vị sự nghiệp công lập được giao để tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với viên chức làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Nội vụ; thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCBC&TCPCP, Phú (15b).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Hòa

GIAO CƠ CẤU NGẠCH, MÃ SỐ, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2022
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 27/QĐ/SNV ngày 13/01/2022 của Giám đốc Sở Nội vụ)

STT	Đơn vị, vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp viên chức tối thiểu		Số lượng người làm việc giao năm 2022	Giao số lượng, cơ cấu năm 2022														Ghi chú
		Tên/hạng CDNN viên chức	Mã số CDNN viên chức		Giảng viên chính (V.07.01.02)	GV giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (V.09.02.03)	Giảng viên (V.07.01.03)	Giảng viên CĐSP (V.07.08.22)	Y sỹ (V.08.03.07)	Chuyên viên (01.003)	Điều dưỡng (V.08.05.13)	Lưu trữ (V.01.02.03)	Kế toán viên (06.031)	Thủ quỹ (06.035)	Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)	Nhân viên kỹ thuật hạng IV (V.05.02.08)	Thư viện viên (V.10.02.06)	Thư viện viên (V.10.02.07)	
	Tổng cộng			270	15	160		74	2	3	1	2	3	2	1	3	2	2	
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý			54	13	27		14											
1.1	Chủ tịch HĐT	Giảng viên GDNN chính hạng II và tương đương	V.09.02.02 và tương đương																
1.2	Hiệu trưởng	Giảng viên GDNN chính hạng II và tương đương	V.09.02.02 và tương đương	1	1														
1.3	Phó hiệu trưởng	Giảng viên GDNN chính hạng II và tương đương	V.09.02.02 và tương đương	1	1														
		Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III và tương đương	V.09.02.03 và tương đương	2		2													
1.4	Trưởng phòng	Giảng viên GDNN chính hạng II và tương đương	V.09.02.02 và tương đương	3	3														
		Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III và tương đương	V.09.02.03 và tương đương	6		5		1											
1.5	Phó trưởng phòng	Giảng viên GDNN chính hạng II và tương đương	V.09.02.02 và tương đương	2	2														
		Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III và tương đương	V.09.02.03 và tương đương	12		5		7											
1.6	Trưởng khoa	Giảng viên GDNN chính hạng II và tương đương	V.09.02.02 và tương đương	4	4														
		Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III và tương đương	V.09.02.03 và tương đương	7		6		1											
1.7	Phó trưởng khoa	Giảng viên GDNN chính hạng II và tương đương	V.09.02.02 và tương đương	2	2														
		Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III và tương đương	V.09.02.03 và tương đương	14		9		5											
2	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành			195	2	133		60											
2.1	Giảng viên	Giảng viên GDNN chính hạng II và tương đương	V.09.02.02 và tương đương	2	2														
2.2	Giảng viên GDNN	Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III và tương đương	V.09.02.03	193		133		60											
		Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III)	V.09.02.04																

STT	Đơn vị, vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp viên chức tối thiểu		Số lượng người làm việc giao năm 2022	Giao số lượng, cơ cấu năm 2022													Ghi chú	
		Tên/hạng CDNN viên chức	Mã số CDNN viên chức		Giảng viên chính (V.07.01.02)	GV giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (V.09.02.03)	Giảng viên (V.07.01.03)	Giảng viên CĐSP (V.07.08.22)	Y sỹ (V.08.03.07)	Chuyên viên (01.003)	Điều dưỡng (V.08.05.13)	Lưu trữ (V.01.02.03)	Kế toán viên (06.031)	Thủ quỹ (06.035)	Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)	Nhân viên kỹ thuật hạng IV (V.05.02.08)	Thư viện viên (V.10.02.06)		Thư viện viên (V.10.02.07)
3	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung			21					2	3	1	2	3	2	1	3	2	2	
3.1	Tổng hợp hành chính- Tổ	Chuyên viên và tương đương	1.003	3						3									
3.2	Kế toán	Kế toán viên trung cấp	6.032	3									3						
3.3	Thủ quỹ	Thủ quỹ	6.035	2										2					
3.4	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	2					2										
		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	1							1								
3.5	Thư viện	Thư viện viên hạng III	V.10.02.06	2													2		
		Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	2														2	
3.6	Kỹ thuật viên	Nhân viên kỹ thuật hạng III	V.05.02.08	4											1	3			
3.7	Văn thư- Lưu trữ	Lưu trữ viên TC hạng IV	V.01.02.03	2								2							

UBND TỈNH SƠN LA

SỞ NỘI VỤ

GIAO CƠ CẤU NGẠCH; MÃ SỐ, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2022

ĐƠN VI: TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 27/QĐ/SNV ngày 13/01/2022 của Giám đốc Sở Nội vụ)

[illegible]

GIAO CƠ CẤU NGẠCH, MÃ SỐ, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2022
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 27/QĐ/SNV ngày 13/01/2022 của Giám đốc Sở Nội vụ)

STT	Tên đơn vị/Vị trí việc làm	CDNN viên chức tối thiểu		Số lượng người làm việc được giao năm 2022	Giao cơ cấu ngạch năm 2022													Ghi chú
		Tên/hạng CDNN viên chức	Mã số CDNN viên chức		Chuyên viên chính (01.002)	Giảng viên GDNN chính hạng II (V.09.02.02)	Giảng viên GDNN lý thuyết (V.09.02.03)	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) (V.09.02.04)	Giảng viên (V.07.01.03)	Giáo viên THPT (V.07.05.15)	Giáo viên GDNN hạng IV(V.09.02.09)	Kế toán viên (06.031)	Chuyên viên (01.003)	Thủ quỹ (06.035)	Điều dưỡng (V.08.05.12)	Văn thư, lưu trữ (V01.02.03)	Kỹ thuật viên (V.05.02.08)	
	Tổng cộng			75	1	0	54	0	0	5	3	4	3	1	1	1	2	
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý			18	1	0	15	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	
	Chủ tịch Hội đồng Trường	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) hoặc tương đương	V.09.02.02 hoặc tương đương															
1.1	Hiệu trưởng	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) hoặc tương đương	V.09.02.02 hoặc tương đương	1	1													
1.2	Phó Hiệu trưởng	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) hoặc tương đương	V.09.02.03 hoặc tương đương	2			2											
1.3	Trưởng phòng	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) hoặc tương đương	V.09.02.03 hoặc tương đương	4			3						1					
1.4	Phó trưởng phòng	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) hoặc tương đương	V.09.02.03 hoặc tương đương	3			2			1								
1.5	Trưởng khoa	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) hoặc tương đương	V.09.02.03 hoặc tương đương	4			4											
1.6	Phó trưởng khoa	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) hoặc tương đương	V.09.02.03 hoặc tương đương	4			4											
2	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành			46	0	0	39	0	0	4	3	0	0	0	0	0	0	
2.1	Giảng viên	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) hoặc tương đương	V.09.02.03	39			39											
2.2	Giáo viên	Giáo viên THPT Hạng III	V.07.05.15	4						4								
		Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV	V.09.02.09	3							3							
3	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung			9	0	0	0	0	0	0	0	4	2	1	1	1	0	
3.1	Tổ chức, hành chính, tổng hợp	Chuyên viên hoặc tương đương	01.003	2									2					
3.2	Kế toán	Kế toán viên trung cấp	06.032	4								4						
3.3	Thủ quỹ	Nhân viên	06.035	1										1				
3.4	Văn thư - Lưu trữ	Lưu trữ viên hạng IV	V.01.02.03	1												1		
3.5	Y tế	Y sỹ hạng IV/Điều dưỡng viên hạng III	V.08.03.07/ V.08.05.12	1											1			

[illegible]